

Số: /2018/NQ-HĐND
“Dự thảo”

Bắc Giang, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, quy định chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 – 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018;
Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 34/2015/NQ- HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp lần thứ 14, quy định chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng đối với 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016 - 2018, như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: 36 thôn/bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019 - 2021.

(Có danh sách kèm theo)

2. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ xây dựng các công trình giao thông (ngâm, đường tránh lũ, khắc phục sạt lở, trơn trượt), công trình thủy lợi (hồ, đập, trạm bơm).

3. Kinh phí hỗ trợ: 54 tỷ đồng từ nguồn ngân sách tỉnh.

- Định mức phân bổ: 18 tỷ đồng/năm;

- Mức hỗ trợ: 1,5 tỷ đồng/thôn, bản (03 năm).

4. Thời gian hỗ trợ: Từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2021.

Điều 3. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

*** Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc và các Đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND tỉnh:
- + LĐVP;
- + Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải

**DANH SÁCH 36 THÔN, BẢN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN NHẤT
TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2019-2021**

(Kèm theo Nghị quyết số /2018/NQ-HĐND ngày / /2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XVIII, kỳ họp thứ 5)

TT	Huyện	Xã		Thôn, bản	
		TT	Tên xã	TT	Tên thôn/bản
I	HUYỆN SƠN ĐÔNG <i>(10 xã - 12 thôn/bản)</i>	1	Xã Dương Hưu	1	Bản Mùng
				2	Thôn Đồng Làng
		2	Xã Cẩm Đàn	3	Thôn Góc Gạo
		3	Xã An Lạc	4	Thôn Biêng
				5	Thôn Thác
		4	Xã Vĩnh Khương	6	Thôn Luông
		5	Xã Tuấn Mậu	7	Thôn Thanh Chung
		6	Xã Bồng Am	8	Thôn Nam Bồng
		7	Xã Hữu Sản	9	Thôn Dân 3
		8	Xã An Bá	10	Thôn Đồng Tàn
II	HUYỆN LỤC NGẠN <i>(09 xã - 12 thôn)</i>	9	Xã Thanh Luận	11	Thôn Gà
		10	Xã Chiên Sơn	12	Thôn Đồng Bang
		11	Xã Sa Lý	13	Thôn Răng Ngoài
		12	Xã Hộ Đáp	14	Thôn Cái Cạn 1
		13	Xã Tân Sơn	15	Thôn Khuân Tô
				16	Thôn Khuân kén
		14	Xã Sơn Hải	17	Thôn Đồng Mậm
				18	Thôn Cỏ Vài
		15	Xã Phong Vân	19	Thôn Vựa Ngoài
		16	Xã Cẩm Sơn	20	Thôn Chằm Khon
III	HUYỆN LỤC NAM <i>(04 xã - 07 thôn/bản)</i>			21	Thôn Bền
		17	Xã Đèo Gia	22	Thôn Ruồng
		18	Xã Tân Lập	23	Thôn Hòa Trong
		19	Xã Phú Nhuận	24	Thôn Khuôm
		20	Xã Lục Sơn	25	Thôn Đồng Vành 2
		21	Xã Bình Sơn	26	Thôn Suối Mản
IV	HUYỆN YÊN THỀ <i>(05 xã - 05 thôn/bản)</i>			27	Thôn Đá Húc
		22	Xã Trường Sơn	28	Thôn Khe Sâu
				29	Bản Vua Bà
		23	Xã Vô Tranh	30	Thôn Đồng Mận
				31	Thôn Bắc Máng
		24	Xã Tiến Thắng	32	Thôn Đồng Cờ
		25	Xã Đồng Hưu	33	Thôn Trại Mới
		26	Xã Canh Nậu	34	Bản Nà Táng
27	Xã Đồng Vương	35	Bản Trại Mía		
28	Xã Đồng Tiến	36	Bản Đồng An		